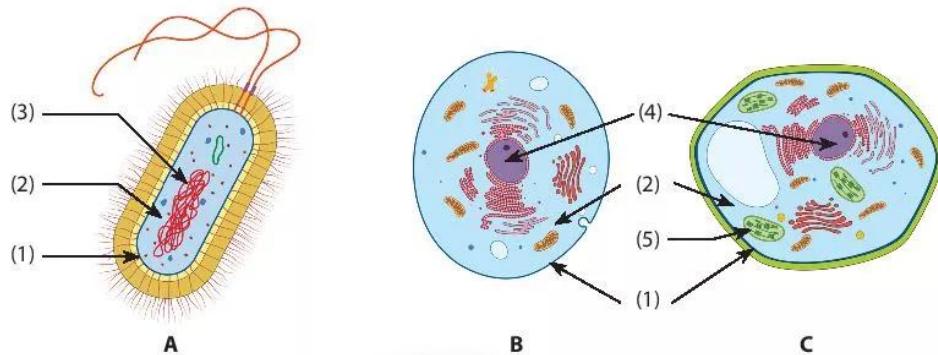


Trong ba tế bào này:

a) Tế bào nào là tế bào nhân sơ? Tế bào nào là tế bào nhân thực? Tại sao?

b) Tế bào nào là tế bào động vật? Tế bào nào là tế bào thực vật? Tại sao?

2. Hình sau mô tả cấu tạo của ba tế bào (A), (B), (C):



Hãy quan sát các thành phần cấu tạo của ba tế bào để hoàn thành các yêu cầu sau:

a) Gọi tên các thành phần cấu tạo tương ứng với số từ (1) đến (5).

b) Đặt tên cho các tế bào (A), (B), (C) và cho biết tại sao em lại đặt tên như vậy?

c) Các thành phần nào chỉ có trong tế bào (C) mà không có trong tế bào (B). Nêu chức năng các thành phần này.

d) Nêu hai chức năng chính của màng tế bào.

3. Em hãy vẽ và hoàn thành bảng theo mẫu sau vào vở:

Cấu trúc	Tế bào động vật	Tế bào thực vật	Chức năng
Màng tế bào	Có	Có	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.
Chất tế bào	?	?	?
Nhân tế bào	?	?	?
Lục lạp	?	?	?

Hướng dẫn giải:

1. a) (1) là tế bào nhân sơ; (2), (3) là tế bào nhân thực vì (1) không có màng nhân trong khi (2), (3) có màng nhân.

b) (2) là tế bào động vật, (3) là tế bào thực vật vì (2) không có lục lạp, (3) có lục lạp.

- 2.** a) (1) màng tế bào, (2) chất tế bào, (3) vùng nhân, (4) nhân, (5) lục lạp.
 b) (A) Tế bào nhân sơ vì có vùng nhân, (B) Tế bào động vật vì có nhân và không có lục lạp, (C) Tế bào thực vật vì có nhân và có lục lạp.
 c) Thành phần chỉ có trong tế bào (C) mà không có trong tế bào (B) là lục lạp.
 Lục lạp thực hiện chức năng quang hợp để tổng hợp các chất cho tế bào.
 d) Hai chức năng chính của màng tế bào là bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.

3.

Cấu trúc	Tế bào động vật	Tế bào thực vật	Chức năng
Màng tế bào	Có	Có	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.
Chất tế bào	Có	Có	Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
Nhân tế bào	Có	Có	Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
Lục lạp	—	Có	Thực hiện chức năng quang hợp.

Chân trời sáng tạo



CHỦ ĐỀ 7. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)

BÀI

19

CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO (2 tiết)

MỤC TIÊU

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào;
- Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong tự nhiên và thực tiễn.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào. Lấy được ví dụ minh họa;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát, mô phỏng được cấu tạo cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Liên hệ, nhận biết được cơ thể đơn bào, đa bào xung quanh em.

3. Phẩm chất

- Hình thành sự tò mò đối với thế giới tự nhiên, tăng niềm yêu thích khoa học;
- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;
- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong môn học.

Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.

A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi – đáp;
- Dạy học theo nhóm cặp đôi/ nhóm nhỏ;
- Phương pháp trò chơi;
- Kỹ thuật khăn trải bàn;
- Kỹ thuật think – pair – share.